

Bản án số: 592/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Cúc

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐ-HPT ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: 101 Văn T, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Chí A, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: 101 Văn T, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Hoàng Chí A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2018 ngày 28/02/2018, có 01 con chung tên Hoàng Cẩm P, sinh ngày 01/4/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại gia đình bên chồng ở Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A không tập trung làm việc phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho vợ, con, bà đã nhiều lần khuyên nhủ chồng bỏ rượu nhưng không có kết quả. Hơn nữa, mối quan hệ giữa bà và gia đình bên chồng có nhiều bất hòa không giải quyết được nhưng không được sự bảo vệ, bênh vực của ông A nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt hơn. Bà và ông A đã tự ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, hai bên có đời sống độc lập, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông A, bà yêu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Hoàng Chí A. Về con chung: Hiện nay con chung tên Hoàng Cẩm P đang sống chung với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có và vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Hoàng Chí A đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Bị đơn ông Hoàng Chí A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông A. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Cẩm P, sinh ngày 01/4/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T đối

với bị đơn ông Hoàng Chí A có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hoàng Chí A được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A phát sinh tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[5]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không tập trung làm việc phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc vợ, con. Ngoài ra giữa bà và gia đình bên chồng có xảy ra nhiều bất hòa không giải quyết được nên từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và vợ chồng đã tự ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông A nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Hoàng Chí A.

Phía bị đơn ông Hoàng Chí A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T, ông A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông A không có trách nhiệm với vợ, con, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà T và ông A hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ cũng như để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của ông A nhưng ông đều vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận lời khai, hòa giải được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[5.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A có với nhau 01 con chung tên Hoàng Cẩm P, sinh ngày 01/4/2019. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ P đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, và hơn nữa trong quá trình giải quyết

vụ án ông A không thể hiện yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hoàng Cẩm P, sinh ngày 01/4/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

[5.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 189, Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn đối với ông Hoàng Chí A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2018 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A ngày 28/02/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A có 01 con chung tên Hoàng Cẩm P, sinh ngày 01/4/2019.

Giao trẻ Hoàng Cẩm P cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Hoàng Chí A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng Chí A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ông Hoàng Chí A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Hoàng Chí A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hoàng Chí A.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013355 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

III. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Chí A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

IV. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường T, Quận S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phúc Trường